

SUCRAMED
Box of 30 sachets
Carton box: 120 x 93 x 52 mm
Sachets: 88 x 50 mm

Sucramed
Sucralfat
1000 mg

THÀNH PHẦN: Sucralfat 1000 mg và các tá dược vừa đủ 1 gói.
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
BẢO QUẢN: Nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ẩm.
ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Số lô SX/Lot No.:
NSX/Mfd:
HD/Exp:
WHO-GMP
Nhà sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA
Áp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

Sucramed

Sucralfat
1000 mg



Thuốc cốm pha hỗn dịch uống
Hộp 30 gói 2,6 g

Sucramed
Sucralfate
1000 mg

COMPOSITION: Sucralfate 1000 mg and excipients sq. for 1 sachet.
INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION: Refer to package insert.
STORAGE: Temperature not exceeding 30°C, protect from humidity.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.

SDK/Visa:
WHO-GMP
Manufacturer:
BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY
Hamlet 2, Tân Thạnh Tây Village, Củ Chi District, HCMC.

Sucramed
Sucralfate
1000 mg

Sucramed

Sucralfate
1000 mg



Granules for oral suspension
Box of 30 sachets of 2,6 g

Sucralfat
1000 mg
Sucramed



Sucramed
Sucralfat
1000 mg

Thuốc cốm pha hỗn dịch uống
Gói 2,6 g

Sucramed
Sucralfat
1000 mg

THÀNH PHẦN: Sucralfat 1000 mg và các tá dược vừa đủ 1 gói.
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
BẢO QUẢN: Nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ẩm.
ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Số lô SX/Lot No.:
HD/Exp:
WHO-GMP
Nhà sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA
Áp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 18/11/14

18/11/14





SUCRAMED

Sucralfat 1g

THÀNH PHẦN: Sucralfat 1000 mg và các tá dược gồm Silic dioxyd dạng keo khan, Aspartam, Manitol, Mùi dưa bột, Nước tinh khiết vừa đủ 1 gói 2,6 g

DẠNG BẢO CHẾ: Thuốc cốm pha hỗn dịch uống.

QUI CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 30 gói 2,6 g

DUYỆC LỰC: Sucralfat là phức chất của muối nhôm và disaccharid sulfat, dùng điều trị loét dạ dày. Cơ chế tác dụng của thuốc là tạo một phức hợp với các chất như albumin và fibrinogen của dịch ri kết dính với ổ loét, làm thành một hàng rào ngăn cản tác dụng của acid, pepsin và mật. Sucralfat cũng gắn trên niêm mạc bình thường của dạ dày và tá tràng nhưng với nồng độ thấp hơn nhiều so với vị trí loét. Sucralfat còn ức chế hoạt động của pepsin, gắn với muối mật, làm tăng sản xuất prostaglandin E₂, và dịch nhày dạ dày.

CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ:

- Điều trị loét dạ dày, tá tràng lành tính, viêm dạ dày mãn tính.
- Phòng tái phát loét dạ dày, tá tràng.
- Điều trị chứng trào ngược dạ dày - thực quản.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Liều lượng:

- Liều thông thường cho người lớn là 1 gói, 2 lần mỗi ngày, uống lúc đói, 1 giờ trước bữa ăn hay buổi sáng sớm và trước khi đi ngủ. Dùng thuốc cho đến khi vết loét lành hẳn, thường là từ 4 đến 8 tuần.
- Phòng ngừa loét tái phát: Giảm liều còn 1 gói mỗi ngày vào buổi tối. Dùng duy trì kéo dài 3 tháng và tối đa không quá 6 tháng. Nói chung các trường hợp nặng có thể tăng liều lên 4 gói mỗi ngày hoặc hơn nhưng tối đa không quá 8 gói một ngày.

Cách dùng: Pha gói thuốc trong 1 ly nước trước khi uống. Nên uống thuốc vào lúc bụng đói, không dùng chung với thức ăn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn cảm với Sucralfat hay bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Suy thận nặng.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG:

- Thận trọng khi dùng cho người suy thận, do nguy cơ tăng nồng độ nhôm trong huyết thanh, nhất là khi dùng dài hạn.
- Dùng thận trọng cho các trường hợp có rối loạn chuyển hoá phospho.
- Tính an toàn và hiệu quả khi dùng cho trẻ em chưa được thiết lập.
- Khi điều trị bằng Sucralfat các vết loét có thể lành trong một hoặc hai tuần đầu nhưng cần điều trị tiếp trong 4 - 8 tuần đến khi kiểm tra bằng nội soi hay X quang cho thấy đã lành hẳn.

TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC:

- Các thuốc antacid có thể ảnh hưởng sự gắn kết của Sucralfat trên niêm mạc dạ dày. Khi dùng kết hợp nên dùng cách xa 30 phút.
- Sucralfat có thể làm giảm hấp thu một số thuốc dùng chung như Cimetidin, Ranitidin, Digoxin, Ketoconazol, Phenytoin, Fluoroquinolon kháng khuẩn, Tetracyclin, Quinidin, Theophylin, Thyroxin và Warfarin. Nên dùng các thuốc trên ít nhất 2 giờ trước hoặc sau khi dùng Sucralfat.

TRƯỜNG HỢP CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Chưa xác định được tác hại của thuốc trên bào thai. Tuy nhiên chỉ nên sử dụng thuốc cho phụ nữ mang thai khi thật cần thiết. Chưa rõ thuốc có bài tiết qua sữa mẹ hay không, nếu có thì cũng rất ít, chưa đủ để gây tác hại cho trẻ em bú mẹ.

TÁC DỤNG ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Dùng thuốc thận trọng cho người lái xe và vận hành máy móc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ: Thuốc được hấp thu qua đường tiêu hoá rất ít, do đó ít khi có khả năng gây quá liều. Một vài trường hợp quá liều hiếm hoi cho thấy gồm các triệu chứng giống như tác dụng phụ gồm: Khó tiêu, đau bụng, buồn nôn và nôn.

Xử trí: Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Tác dụng phụ hay gặp nhất là táo bón (có thể cho uống thêm Magnesi lactat).
- Ít gặp hơn gồm: Tiêu chảy, buồn nôn, nôn, đầy hơi, khó tiêu, khô miệng, ngứa ngáy, ban đỏ, hoa mắt, chóng mặt, buồn ngủ hay mất ngủ, đau lưng, đau đầu.
- Hiếm khi gặp: Phản ứng mẫn cảm: Mày đay, phù Quincke, khó thở, viêm mũi, co thắt thanh quản, mặt phù to, dị vật dạ dày.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

BẢO QUẢN: Nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ẩm.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ

NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA

Địa chỉ: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

Điện thoại: 08 - 37950.611 / 957 / 994.

Fax : 08 - 37950.614 **Email:** info@bvpharma.com.vn



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Việt Hưng

ME

